

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/DS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Lộc và bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm; Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Bà Đinh Ngọc T1 – Cán bộ xử lý nợ và ông Bùi Văn S – Trưởng bộ phận xử lý nợ (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2025) (ông S vắng mặt; bà T1 có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy S1, sinh năm 1982; CCCD số: 091182021013; Địa chỉ: Khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng T2 do bà Đinh Ngọc T1 đại diện trình bày:

Ngày 06/12/2023, bà Nguyễn Thị Thúy S1 đã ký Hợp đồng vay số LN2311100837641 số tiền vay 178.668.054 đồng. Mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn thời điểm giải ngân là 19%/năm; cố định đến ngày 01/4/2024, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì khách hàng đã thanh toán tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 84.765.904 đồng (trong đó: Nợ gốc 54.216.880 đồng; nợ lãi 30.549.024 đồng).

Thời điểm vi phạm hợp đồng là ngày 10/01/2025. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán theo định kỳ hàng tháng cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã liên hệ để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ nhưng vẫn không thanh toán cho Ngân hàng. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 179.931.292 đồng (trong đó: Nợ gốc 124.451.174 đồng; lãi trong hạn 36.986.745 đồng; lãi quá hạn 18.493.373 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu bà S1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V ngay một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 179.931.292 đồng (trong đó: Nợ gốc 124.451.174 đồng; nợ lãi trong hạn 36.986.745 đồng; lãi quá hạn 18.493.373 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 13/6/2026 trở đi bà S1 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán toàn bộ nợ cho V1.

- **Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy S1:** Mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng bà S1 không đến và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Tại phiên tòa:** Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại **đặc khu P, tỉnh An Giang**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **S1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 06/12/2023, **Ngân hàng TMCP V (V1)** có ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ** LN2311100837641, với số tiền vay 178.668.054 đồng.

Quá trình vay bà **S1** đã thanh toán được cho Ngân hàng 84.765.904 đồng (trong đó vốn gốc 54.216.880 đồng; lãi 30.549.024 đồng). Từ ngày 10/01/2025, bà **S1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, **Ngân hàng V1** khởi kiện yêu cầu buộc bà **S1** trả nợ vay tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 179.931.292 đồng (trong đó: Nợ gốc 124.451.174 đồng; nợ lãi trong hạn 36.986.745 đồng; lãi quá hạn 18.493.373 đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Xét giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ** LN2311100837641 được ký kết giữa **Ngân hàng V1** với bà **Nguyễn Thị Thúy S1**: Về hình thức hợp đồng là dạng hợp đồng mẫu, được lập thành văn bản, có ký tên, đóng dấu và tuân thủ về mặt hình thức theo quy định tại Điều 119 BLDS năm 2015. Về nội dung: Hợp đồng được các bên thỏa thuận rõ số tiền cấp tín dụng, lãi suất, phương thức trả nợ, trách nhiệm vi phạm hợp đồng cụ thể, rõ ràng theo quy định pháp luật. Việc thỏa thuận của các bên là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình vay, bà **S1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/01/2025 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **S1** trả nợ gốc và lãi tạm tính đến 12/6/2026 là 179.931.292 đồng (trong đó: Nợ gốc 124.451.174 đồng; lãi trong hạn 36.986.745 đồng; lãi quá hạn 18.493.373 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: **Ngân hàng V1** khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.675.000 đồng theo biên lai thu số 0013049, ngày 31/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Bà **Nguyễn Thị Thúy S1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 179.931.292 đồng x 5% = 8.996.564 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 85, 147, 227, Điều 244, 266, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 117, 119, 357, 422, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng V (V1)** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Thúy S1** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà **Nguyễn Thị Thúy S1** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng V** số tiền tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 179.931.292 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng*) (trong đó: Nợ gốc 124.451.174 đồng; lãi trong hạn 36.986.745 đồng; lãi quá hạn 18.493.373 đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ**.

Kể từ ngày 13/6/2026, bà **Nguyễn Thị Thúy S1** còn phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi bà **S1** thanh toán toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng V**.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.675.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013049, ngày 31/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Bà **Nguyễn Thị Thúy S1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.996.564 đồng (*Tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2- An Giang;
- PTHADS khu vực 2- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình